

Số: 31/2020/QĐST-HNGĐ

Chiêm Hóa, ngày 27 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lục Thị X, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Lục Cao T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T; chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tuyên Quang. người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc V; chức vụ: Phó giám đốc và bà Lưu Kim T; chức vụ: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 55, 57, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lục Thị X và anh Lục Cao T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Lục Tuệ H, sinh ngày 28/4/2009 và cháu Lục Hải L, sinh ngày 01/01/2019 cho chị Lục Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X; anh T có quyền, nghĩa vụ được thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lục Thị X, anh Lục Cao T và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tuyên Quang xác định chị X, anh T có vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tuyên Quang số tiền nợ gốc là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) tại hợp đồng tín dụng số 8104LAV2017048670, vay ngày 12/10/2017, hạn trả nợ ngày 12/10/2020 và thống nhất thỏa thuận:

Chị Lục Thị X có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 8104LAV2017048670; phần nợ gốc khi vay 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*), nợ gốc còn lại theo hợp đồng đến thời điểm thỏa thuận là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh Tuyên Quang do bà Lưu Kim T - Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh làm đại diện theo ủy quyền. Nghĩa vụ trả nợ, thời hạn trả nợ, lãi suất phát sinh được thực hiện theo hợp đồng.

- Về án phí: Chị Lục Thị X nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001926 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Lục Thị X số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Lục Cao T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Loan

